|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  **TỔNG CỤC THỐNG KÊ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN**

ĐIỀU TRA DIỆN TÍCH, SẢN LƯỢNG CÂY LÂU NĂM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 570 /QĐ – TCTK ngày 25 tháng 7 năm 2018*

*của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)*

**1. Mục đích, yêu cầu điều tra**

**1.1. Mục đích điều tra**

Cuộc điều tra thu thập thông tin về sản lượng và doanh thu từng loại cây lâu năm trên phạm vi cả nước nhằm phục vụ việc tính toán các chỉ tiêu thống kê cấp quốc gia, cấp tỉnh của ngành trồng trọt; đáp ứng yêu cầu quản lý, đánh giá kết quả sản xuất, cân đối tiêu dùng; lập kế hoạch, quy hoạch, hoạch định các chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp của các cấp, các ngành và nhu cầu thông tin của các đối tượng dùng tin khác.

**1.2. Yêu cầu điều tra**

Công tác tổ chức thu thập thông tin, xử lý số liệu, tổng hợp, công bố và lưu trữ dữ liệu cuộc điều tra phải được thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định của Phương án điều tra.

Đảm bảo thu thập thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, phù hợp với điều kiện thực tế và có tính khả thi.

Quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc điều tra bảo đảm đúng chế độ hiện hành.

**2. Phạm vi, đối tượng, đơn vị điều tra**

**2.1. Phạm vi điều tra**

Cuộc điều tra được tiến hành tại tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) có hoạt động sản xuất cây lâu năm.

**2.2.** **Đối tượng điều tra**

Các loại cây lâu năm được trồng và thu hoạch trên địa bàn.

**2.3. Đơn vị điều tra**

Đơn vị điều tra là các chủ thể dưới đây có hoạt động trồng, thu hoạch sản phẩm cây lâu năm trong 12 tháng trước thời điểm điều tra:

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức khác (viện nghiên cứu, trung tâm giống…);

- Hộ gia đình sản xuất cây lâu năm.

**3. Loại điều tra**

Cuộc điều tra được thực hiện kết hợp giữa điều tra toàn bộ với điều tra chọn mẫu.

**3.1. Điều tra toàn bộ**

Điều tra toàn bộ doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức khác (sau đây viết tắt là DN/HTX/TCK) trồng cây lâu năm trong 12 tháng trước thời điểm điều tra về hoạt động trồng, thu hoạch, bán ra thị trường sản phẩm cây lâu năm của đơn vị.

**3.2. Điều tra chọn mẫu**

Điều tra chọn mẫu áp dụng đối với các hộ có hoạt động trồng, thu hoạch, bán ra thị trường sản phẩm cây lâu năm.

Quy mô, phương pháp chọn mẫu theo từng loại cây trọng điểm và nhóm cây lâu năm còn lại quy định tại Phụ lục 01.

**4. Thời điểm, thời gian và phương pháp điều tra**

**4.1. Thời điểm điều tra**

Thời điểm điều tra: 01/12 hàng năm.

**4.2. Thời kỳ thu thập thông tin**

- Số liệu thời điểm: Tại thời điểm 01/12 năm điều tra.

- Số liệu thời kỳ: Phát sinh thực tế trong 12 tháng trước thời điểm điều tra, từ 01/12 năm trước đến 30/11 năm điều tra.

**4.3. Thời gian điều tra:** 10 ngày, bắt đầu từ thời điểm điều tra.

**4.4. Phương pháp điều tra**

Áp dụng hai phương pháp dưới đây để thu thập thông tin:

4.4.1. Thu thập số liệu gián tiếp

Thực hiện thu thập số liệu gián tiếp đối với DN/HTX/TCK. Cục Thống kê hoặc Chi cục Thống kê hướng dẫn phương pháp ghi và hoàn thiện phiếu điều tra cho đơn vị được điều tra; lãnh đạo đơn vị duyệt, ký, đóng dấu và gửi phiếu điều tra về Cục Thống kê hoặc Chi cục Thống kê.

4.4.2. Thu thập số liệu trực tiếp

Thực hiện thu thập số liệu trực tiếp đối với hộ. Điều tra viên đến từng hộ được chọn điều tra thực hiện phỏng vấn trực tiếp người nắm được thông tin về hoạt động trồng và thu hoạch sản phẩm cây lâu năm của hộ để ghi phiếu.

**5. Nội dung, phiếu điều tra**

**5.1. Nội dung điều tra**

Cuộc điều tra nhằm thu thập các thông tin:

- Diện tích trồng tập trung;

- Diện tích trồng tập trung cho sản phẩm;

- Diện tích được cơ giới hóa trong sản xuất, thu hoạch;

- Diện tích có sử dụng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật;

- Diện tích có liên kết sản xuất, ứng dụng VietGAP và tương đương (sau đây viết tắt là (VietGAP);

- Giống cây lâu năm;

- Tuổi vườn cây (áp dụng đối với cây điều, cao su, hồ tiêu, cà phê);

- Số lượng cây trồng trên diện tích trồng tập trung;

- Số cây phân tán cho sản phẩm;

- Sản lượng thu hoạch;

- Sản lượng và doanh thu bán ra;

- Sản lượng, doanh thu từ sản phẩm phụ cây lâu năm (củi, gỗ thanh lý, lá…).

**5.2. Phiếu điều tra**

Trong cuộc điều tra này sử dụng 3 loại phiếu, bao gồm:

- Phiếu số 1/NSSL-LNTĐ-HO: Phiếu thu thập thông tin hoạt động sản suất cây lâu năm trọng điểm của hộ;

- Phiếu số 2/ĐTCLN-HM-LNK: Phiếu thu thập thông tin hoạt động   
sản xuất cây lâu năm khác của hộ;

- Phiếu số 3/NSSL-LNTĐ-HO: Phiếu thu thập thông tin hoạt động sản xuất cây lâu năm của DN/HTX/TCK.

**6. Phân loại thống kê sử dụng trong điều tra**

Các bảng phân loại được áp dụng trong cuộc điều tra này gồm:

- Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ;

- Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam ban hành theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2018của Thủ tướng Chính phủ;

- Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ;

- Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam.

Các bảng phân loại thống kê trên được cập nhật đến thời điểm điều tra.

**7. Quy trình xử lý và biểu đầu ra của điều tra**

**7.1. Quy trình xử lý thông tin**

Sau khi kết thúc giai đoạn thu thập thông tin, các loại phiếu điều tra được gửi về Chi cục Thống kê để kiểm tra, làm sạch, đánh mã. Cục Thống kê nghiệm thu số lượng, chất lượng theo từng loại phiếu điều tra.

Phiếu điều tra được nhập tin tại cơ quan Thống kê địa phương trên chương trình phần mềm thống nhất do Tổng cục Thống kê xây dựng.

Trường hợp chương trình phần mềm trực tuyến chưa xây dựng kịp thời, Cục Thống kê gửi toàn bộ cơ sở dữ liệu điều tra, báo cáo phân tích,   
biểu tổng hợp về Tổng cục Thống kê.

**7.2. Tổng hợp, suy rộng kết quả điều tra**

Kết quả điều tra được tổng hợp và suy rộng cho cấp tỉnh.

7.2.1. Tổng hợp kết quả điều tra của các đơn vị là DN/HTX/TCK.

Kết quả điều tra được tổng hợp từ Phiếu số 3/NSSL-LN-DN đối với các chỉ tiêu sau:

- Diện tích trồng tập trung cây lâu năm, diện tích trồng tập trung cây lâu năm cho sản phẩm, diện tích gieo trồng cây lâu năm theo chủng loại giống, diện tích gieo trồng cây lâu năm được cơ gới hóa, diện tích gieo trồng cây lâu năm có sử dụng phân bón hóa học, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, ứng dụng quy trình VietGAP, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm phân theo loại cây;

- Sản lượng cây lâu năm phân theo loại cây.

- Đơn giá bình quân sản phẩm cây lâu năm phân theo loại cây được tính tương tự mục 7.2.2.4 theo công thức (9);

- Số cây lâu năm trồng phân tán cho sản phẩm phân theo loại cây.

***Tổng hợp diện tích và sản lượng sản phẩm cây lâu năm theo công thức sau :***

\* Tổng hợp diện tích cho toàn tỉnh được tính theo công thức:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| = | i =  j = | *(1)* |

Trong đó:

+: Diện tích cây lâu năm j của DN/HTX/TCK trong kỳ điều tra, tính bằng ha;

+ : Diện tích cây lâu năm j của DN/HTX/TCK thứ i trong kỳ điều tra, tính bằng ha.

\* Tổng hợp sản lượng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| = | i =  j = | *(2)* |

Trong đó:

+: Sản lượng cây lâu năm j của DN/HTX/TCK, tính bằng tấn;

+ : Sản lượng sản phẩm cây lâu năm j của DN/HTX/TCK thứ i trong kỳ điều tra, tính bằng tấn.

7.2.2. Suy rộng kết quả điều tra mẫu

Sử dụng kết quả cuộc Điều tra diện tích cây trồng nông nghiệp và Điều tra diện tích, sản lượng cây lâu năm để suy rộng kết quả điều tra, tính toán một số chỉ tiêu chuyên đề.

*7.2.2.1. Suy rộng đối với sản lượng cây lâu năm trồng tập trung phân theo loại cây*

\* Tính năng suất cây lâu năm trồng tập trung theo loại cây bình quân một ha của mẫu điều tra theo công thức:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | i =  j = | *(3)* |

Trong đó:

+ : Năng suất bình quân một ha cây lâu năm j trồng tập trung của mẫu điều tra trong kỳ điều tra, tính bằng tạ/ha;

+ : Sản lượng sản phẩm cây lâu năm j của hộ mẫu thứ i trên diện tích trồng tập trung cho sản phẩm trong kỳ điều tra, tính bằng tạ;

+ : Diện tích cây lâu năm j cho sản phẩm trồng tập trung của hộ mẫu thứ i trong kỳ điều tra, tính bằng ha.

\* Suy rộng sản lượng cây lâu năm trồng tập trung j của hộ trên toàn tỉnh trong kỳ điều tra theo công thức:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | (j = ) | *(4)* |

Trong đó:

+ : Sản lượng suy rộng cây lâu năm j trồng tập trung của hộ toàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng tấn;

+ : Năng suất cây lâu năm j trồng tập trung của mẫu điều tra, trong kỳ điều tra bình quân một ha, tính bằng tạ/ha;

+ : Diện tích cây lâu năm j cho sản phẩm toàn tỉnh trong kỳ điều tra (diện tích cây lâu năm trồng tập trung cho sản phẩm của hộ, trang trại thu được từ kết quả điều tra diện tích cây trồng nông nghiệp), tính bằng ha.

***Lưu ý***

* Đối với cây lâu năm trọng điểm: Số lượng mẫu được phân bổ cho tỉnh đảm bảo để tính năng suất cây lâu năm j.
* Đối với cây lâu năm còn lại: Kết quả thu thập thông tin đối với cây lâu năm j đạt dưới 30 mẫu thì áp dụng phương pháp chuyên gia để gán năng suất bình quân của cây lâu năm j.

*7.2.2.2. Tính sản lượng cây lâu năm trồng phân tán của tỉnh phân theo loại cây*

\* Tính mật độ trồng cây lâu năm bình quân một ha của các đơn vị điều tra theo công thức:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | i =  j = | *(5)* |

Trong đó:

+ : Mật độ bình quân một ha cây lâu năm j của tỉnh, tính bằng cây/ha;

+ : Số cây lâu năm j trồng tập trung trong kỳ điều tra của đơn vị điều tra thứ i, tính bằng cây;

+ : Diện tích cây lâu năm j trồng tập trung trong kỳ điều tra của đơn vị điều tra thứ i, tính bằng ha.

\* Quy đổi số cây trồng phân tán cho sản phẩm về diện tích cho sản phẩm của cây trồng phân tán toàn tỉnh được tính theo công thức:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | (j = ) | *(6)* |

Trong đó:

+ : Diện tích quy đổi của cây lâu năm trồng phân tán j của tỉnh, tính bằng ha;

+ : Số cây lâu năm j trồng phân tán cho sản phẩm của tỉnh (từ kết quả quả cuộc Tổng điều tra/ Điều tra giữa kỳ nông thôn, nông nghiệp năm gần nhất để tính, tính bằng cây;

+ : Mật độ bình quân một ha cây lâu năm j của tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng cây/ha.

\* Tính sản lượng từ số cây lâu năm trồng phân tán toàn tỉnh theo công thức:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | (j = ) | *(7)* |

Trong đó:

+ : Sản lượng cây lâu năm trồng phân tán j trong kỳ điều tra, tính bằng tấn;

+ : Năng suất bình quân một ha cây lâu năm j của mẫu điều tra trong kỳ điều tra, tính bằng tạ/ha;

+ : Diện tích quy đổi cây lâu năm j trồng phân tán của tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng ha.

*7.2.2.3. Tính sản lượng thu bói cây lâu năm toàn tỉnh theo công thức*:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | i =  j = | *(8)* |

Trong đó:

+ : Sản lượng thu bói cây lâu năm j của toàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng tấn;

+ : Sản lượng suy rộng cây lâu năm j trồng tập trung toàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng tấn;

+ : Sản lượng thu bói cây lâu năm j của hộ mẫu thứ i trong kỳ điều tra, tính bằng tấn;

+ : Sản lượng thu hoạch cây lâu năm j từ diện tích trồng tập trung của hộ mẫu thứ i trong kỳ điều tra, tính bằng tấn.

*7.2.2.4. Đơn giá bình quân 01 đơn vị sản phẩm cây lâu năm phân theo loại cây*

Tính đơn giá bình quân 01 đơn vị sản phẩm cây lâu năm bán ra trong kỳ điều tra phân theo loại cây trên địa bàn tỉnh theo công thức:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | i =  j = | *(9)* |

Trong đó:

+ : Đơn giá bình quân 1 đơn vị sản phẩm cây lâu năm j bán ra trong kỳ điều tra của tỉnh, tính bằng đồng/kg;

+ : Doanh thu cây lâu năm j trong kỳ điều tra của đơn vị điều tra thứ i, tính bằng đồng;

+ : Sản lượng cây lâu năm j bán ra trong kỳ điều tra của đơn vị điều tra thứ i, tính bằng kg.

*7.2.2.5. Tính tỷ lệ diện tích được cơ giới hóa, sử dụng phân bón hóa học, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, ứng dụng VietGAP, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm (*CGH/PHH/BVTV/VietGAP/LK *) của các đơn vị điều tra*

Cần có thông báo cách tính diện tính (các chỉ tiêu diện tích), tỷ lệ diện tích dùng chung cho cả điều tra toàn bộ và điều tra mẫu

Tính từng chỉ tiêu trên đối với mỗi loại cây của tỉnh theo công thức:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 100 | i =  j = | *(10)* |

Trong đó:

+ : Tỷ lệ diện tích cây lâu năm j trong kỳ điều tra của các đơn vị điều tra được CGH/PHH/BVTV/VietGAP/LK, tính bằng %;

+ : Diện tích cây lâu năm j trồng tập trung của đơn vị điều tra thứ i trong kỳ điều tra được CGH/PHH/BVTV/VietGAP/LK, tính bằng ha;

+ : Diện tích cây lâu năm j trồng tập trung trong kỳ điều tra của đơn vị điều tra thứ i, tính bằng ha.

7.2.3. Tổng hợp sản lượng điều tra toàn tỉnh

Tổng hợp sản lượng cây lâu năm của toàn tỉnh được cộng từ kết quả điều tra toàn bộ, kết quả suy rộng mẫu điều tra, sản lượng cây lâu năm trồng phân tán và sản lượng thu bói theo công thức:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| = + + + | (j = ) | *(11)* |

Trong đó:

+ : Tổng sản lượng sản phẩm cây lâu năm j của tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng tấn;

+ : Sản lượng sản phẩm cây lâu năm j của DN/HTX/TCK toàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng tấn;

+ : Sản lượng suy rộng sản phẩm cây lâu năm j trồng tập trung toàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng tấn;

+ : Sản lượng sản phẩm cây lâu năm trồng phân tán j toàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng tấn;

+ : Sản lượng thu bói cây lâu năm j toàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng tấn.

7.2.4. Tính sản lượng thu hoạch từng loại cây lâu năm của các đơn vị không thuộc đối tượng điều tra (đơn vị an ninh, quốc phòng, HCSN…)

Tính sản lượng cây lâu năm của các đơn vị không thuộc đối tượng điều tra toàn tỉnh theo công thức:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | i =  j = | *(12)* |

Trong đó:

+ : Sản lượng cây lâu năm j trong kỳ điều tra của các đơn vị không thuộc đối tượng điều tra, tính bằng tấn;

+ : Năng suất cây lâu năm j bình quân một ha của các hộ mẫu trong kỳ điều tra; tính bằng tạ/ha;

+ : Diện tích cây lâu năm j trồng tập trung cho sản phẩm trong kỳ điều tra của đơn vị không thuộc đối tượng điều tra thứ i, tính bằng ha.

**\* Lưu ý:** Cục Thống kê sử dụng các nguồn thông tin khác ở địa phương để tính diện tích cây lâu năm trồng tập trung cho sản phẩm của các đơn vị không thuộc đối tượng điều tra theo từng loại cây.

7.2.5. Tính doanh thu từ sản phẩm phụ cây lâu năm bình quân một đơn vị diện tích

\* Tính doanh thu sản phẩm phụ cây lâu năm (bao gồm cả tiền bán gỗ cao su thanh lý) bình quân một đơn vị diện tích trong kỳ điều tra của các đơn vị điều tra theo công thức:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | i =  j = | *(13)* |

Trong đó:

+ : Doanh thu sản phẩm phụ cây lâu năm j của tỉnh trong kỳ điều tra bình quân 1ha, tính bằng triệu đồng/ha;

+ : Doanh thu sản phẩm phụ cây lâu năm j trong kỳ điều tra của đơn vị điều tra thứ i, tính bằng triệu đồng;

+ : Diện tích cây lâu năm j trong kỳ điều tra của đơn vị điều tra thứ i, tính bằng ha;

\* Tính sản lượng gỗ cao su thanh lý bình quân một đơn vị diện tích của các đơn vị điều tra theo công thức:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | i = | *(14)* |

Trong đó:

+ : Sản lượng gỗ cao su thanh lý trong kỳ điều tra bình quân 1ha của các đơn vị điều tra, tính bằng M3/ha;

+ : Sản lượng gỗ cao su thanh lý trong kỳ điều tra của đơn vị điều tra thứ i, tính bằng M3;

+ : Diện tích cây cao su trong kỳ điều tra của đơn vị điều tra thứ i, tính bằng ha;

7.2.6. Tổng hợp diện tích cây lâu năm (điều, hồ tiêu, cao su, cà phê) của các đơn vị điều tra phân theo độ tuổi

Phân tổ độ tuổi 4 cây công nghiệp lâu năm trên theo các mức dưới 5 năm, từ 5 đến dưới 10 năm, từ 10 đến dưới 15 năm, từ 15 năm đến dưới 20 năm, 20 năm trở lên.

Diện tích cây lâu năm theo mỗi độ tuổi trong kỳ điều tra được cộng từ kết quả thu thập thông tin của các đơn vị điều tra theo công thức

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| = | i =  j = | *(15)* |

Trong đó:

+ : Diện tích cây lâu năm j trong kỳ điều tra phân theo độ tuổi của các đơn vị điều tra, tính bằng ha;

+ : Diện tích cây lâu năm j trong kỳ điều tra phân theo độ tuổi của đơn vị điều tra thứ i, tính bằng ha.

**7.3. Biểu đầu ra**

Kết quả điều tra được tổng hợp cho cấp tỉnh và toàn quốc theo hệ thống biểu đầu ra tại Phụ lục 02.

**8. Kế hoạch tiến hành điều tra**

**Bước 1. Chuẩn bị điều tra**

- Thời gian thực hiện: 30 ngày trước thời điểm điều tra.

- Nội dung thực hiện:

+ Bổ sung, sửa đổi phương án điều tra (nếu có); triển khai, hướng dẫn phương án điều tra ở cấp tỉnh, huyện; rà soát các đơn vị điều tra; chọn mẫu điều tra; in phương án và phiếu điều tra;

+ Xây dựng và cập nhật hệ thống biểu đầu ra, chương trình phần mềm nhập tin, chương trình kiểm tra và tổng hợp kết quả điều tra cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và toàn quốc;

+ Lựa chọn điều tra viên, giám sát viên các cấp theo tiêu chuẩn quy định. Bên cạnh những tiêu chuẩn chung, cần chú ý lựa chọn những người nắm rõ tình hình sản xuất nông nghiệp tại địa bàn; nắm rõ quy trình trồng chăm sóc và thu hoạch cây lâu năm trọng điểm.

+ Tập huấn nghiệp vụ cho điều tra viên, giám sát viên các cấp (nếu có).

**Bước 2. Triển khai điều tra**

Thực hiện thu thập thông tin trong 10 ngày từ thời điểm điều tra.

**Bước 3. Nghiệm thu, nhập tin, xử lý tổng hợp số liệu**

- Thời gian thực hiện: 20 ngày sau khi kết thúc thu thập số liệu.

- Nội dung thực hiện: Kiểm tra, làm sạch, đánh mã các phiếu điều tra; nghiệm thu số lượng và chất lượng phiếu điều tra; nhập tin số liệu điều tra; xử lý, kiểm tra số liệu nhập tin, tổng hợp số liệu, báo cáo giải trình và truyền kết quả nhập tin về Tổng cục Thống kê.

**Bước 4. Tổng hợp, phân tích và công bố kết quả điều tra**

Tổng cục Thống kê tổng hợp, phân tích và công bố kết quả của cuộc điều tra sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc nhập tin, rà soát số liệu nhận số liệu nhập tin từ các Cục Thống kê.

**9. Tổ chức điều tra**

**9.1. Cấp Trung ương**

a) Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và nghiệm thu khối lượng, chất lượng phiếu điều tra, biểu tổng hợp của các địa phương thực hiện cuộc điều tra theo quy định của Phương án này. Phối hợp với đơn vị xây dựng phần mềm thực hiện xây dựng phần mềm xử lý kết quả cuộc điều tra này.

b) Vụ Kế hoạch tài chính chủ trì và phối hợp với Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản bảo đảm kinh phí điều tra; cấp phát, hướng dẫn định mức chi tiêu, quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được cấp.

c) Vụ Pháp chế và Thanh tra Thống kê hướng dẫn các cục Thống kê và phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát, thanh tra cuộc điều tra này.

d) Vụ Phương pháp chế độ Thống kê và Công nghệ thông tin chủ trì, phối hợp với Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản lựa chọn đơn vị xây dựng phần mềm xử lý kết quả cuộc điều tra.

**9.2. Cấp địa phương**

Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc triển khai thực hiện cuộc điều tra theo phương án, đảm bảo chất lượng thông tin thu thập, quản lý và sử dụng kinh phí điều tra đúng chế độ, hiệu quả.

Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tăng cường kiểm tra, giám sát nâng cao chất lượng thông tin; tiến hành phúc tra đối với những địa bàn và đơn vị có tăng, giảm đột biến về diện tích, năng suất, sản lượng sản phẩm cây lâu năm hoặc có biểu hiện vi phạm phương pháp điều tra.

**10. Kinh phí và các điều kiện vật chất cho điều tra**

Kinh phí điều tra từ nguồn ngân sách Nhà nước do Tổng cục Thống kê phân bổ trong kinh phí điều tra thường xuyên để thực hiện những nội dung theo phương án điều tra. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính về quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và các văn bản hướng dẫn của Tổng cục Thống kê.

Vụ trưởng Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Chánh Văn phòng Tổng cục, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng nguồn kinh phí được phân bổ theo chế độ tài chính hiện hành, đảm bảo điều kiện để thực hiện tốt cuộc điều tra./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **KT.TỔNG CỤC TRƯỞNG** |

**Phụ lục 02: Danh sách biểu đầu ra**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Ký hiệu** | **Tên biểu** |
| 1 | Biểu số: 01/THN-Ho-TĐ | KẾT QUẢ TỔNG HỢP ĐIỀU TRA CÂY LÂU NĂM TRỌNG ĐIỂM CỦA HỘ |
| 2 | Biểu số: 02/THN-Ho-LNK | KẾT QUẢ TỔNG HỢP ĐIỀU TRA CÂY LÂU NĂM KHÁC CỦA HỘ |
| 3 | Biểu số: 03/THN-DN | KẾT QUẢ TỔNG HỢP ĐIỀU TRA CÂY LÂU NĂM  CỦA DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ, TỔ CHỨC KHÁC |
| 4 | Biểu số: 04/SR-CLN | DIỆN TÍCH, NĂNG SUẤT, SẢN LƯỢNG CÂY LÂU NĂM  PHÂN THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH |
| 5 | Biểu số: 05/TH-CLN | DIỆN TÍCH, NĂNG SUẤT, SẢN LƯỢNG CÂY LÂU NĂM THEO LOẠI CÂY TRỒNG VÀ THEO ĐỊA PHƯƠNG |
| 6 | Biểu số: 06/BC-CLN | DIỆN TÍCH, NĂNG SUẤT, SẢN LƯỢNG CÂY LÂU NĂM PHÂN THEO LOẠI HÌNH KINH TẾ |
| 7 | Biểu số: 07/TH-Giong | TỔNG HỢP DIỆN TÍCH, SẢN LƯỢNG VÀ DOANH THU THEO GIỐNG CÂY TRỌNG ĐIỂM |
| 8 | Biểu số: 08/TH-Matdo | MẬT ĐỘ CÂY LÂU NĂM TRỒNG TẬP TRUNG |
| 9 | Biểu số: 09/TH-Sanxuat | DIỆN TÍCH ĐƯỢC CƠ GIỚI HÓA, SỬ DỤNG THUỐC BVTV, PHÂN BÓN HÓA HỌC, ÚNG DỤNG VietGAP, LIÊN KẾT SẢN XUẤT |
| 10 | Biểu số: 10/TH-Doanhthu | DOANH THU BÌNH QUÂN TRÊN 01 HA DIỆN TÍCH CHO SẢN PHẨM |
| 11 | Biểu số: 11/TH-DoanhthuSPP | DOANH THU SẢN PHẨM PHỤ CÂY LÂU NĂM BÌNH QUÂN TRÊN 01 HA DIỆN TÍCH CHO SẢN PHẨM |
| 12 | Biểu số: 12/TH-Dongia | ĐƠN GIÁ BÌNH QUÂN TRÊN 01 ĐƠN VỊ SẢN PHẨM CÂY LÂU NĂM |
| 13 | Biểu số: 13/TH-Gocs | SẢN LƯỢNG GỖ CAO SU THANH LÝ BÌNH QUÂN TRÊN 01 HA |
| 14 | Biểu số: 14/TH-Tuoi | DIỆN TÍCH CỦA CÁC ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA CÂY LÂU NĂM  THEO ĐỘ TUỔI |